

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VẠN VẠN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VẠN VẠN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: VANVANPHATCO.LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602121846

**3. Ngày thành lập:** 01/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ấp Mỹ Chánh, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp thoát nước Chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp Chi tiết: Thiết kế công trình phòng cháy chữa cháy và chống sét Chi tiết: Tư vấn đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư Chi tiết: Tư vấn điều hành dự án Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng Chi tiết: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, hệ thống điện, trạm biến áp, đường dây tải điện đến 35KV, giao thông, cấp nước và thủy lợi Chi tiết: Tư vấn giám sát chất lượng xây dựng Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng Chi tiết: Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Chi tiết: Tư vấn đánh giá dự án đầu tư Chi tiết: Tư vấn đấu thầu Chi tiết: Tư vấn thẩm tra các dự án đầu tư Chi tiết: Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình Chi tiết: Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật Chi tiết: Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán công trình Chi tiết: Thẩm tra tổng mức đầu tư Chi tiết: Lập dự án đầu tư Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng dự toán các công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông Chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình, thiết bị công nghệ công trình dân dụng Chi tiết: Khảo sát địa chất công trình Chi tiết: Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. | 7110     |
| 2.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng dầu Chi tiết: Mua bán nhớt Chi tiết: Bán LPG chai Chi tiết: Mua bán bếp gas và phụ kiện Chi tiết: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa cột bơm nhiên liệu và các thiết bị xăng dầu, thiết bị sử dụng gas                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4661     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 3.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4293        |
| 4.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4291(Chính) |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời, ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 6.  | Truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3512        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5022        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5225        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5222        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động giao nhận hàng hóa Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan Chi tiết: Đại lý vận tải hàng hóa tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời, ... Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. | 4659        |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 19. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3511        |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4390        |
| 21. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ( không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3100        |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4752        |
| 23. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8129        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                     | 8130 |
| 25. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                    | 4620 |
| 26. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                        | 4632 |
| 27. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                          | 4633 |
| 28. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất gạch Terrazzo. Chi tiết: Sản xuất ngói, gạch không nung                                                                                                           | 2395 |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn, gạch bê tông, gạch block, gạch tự chèn, gạch trồng cỏ, gạch Terrazzo                                                                                                       | 4663 |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng Chi tiết: Mua bán bếp gas và phụ kiện                                                   | 4649 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4759 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 33. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công lắp đặt các sản phẩm từ sắt Chi tiết: Sản xuất khung nhà tiền chế Chi tiết: Sản xuất, gia công lắp đặt cửa nhôm kính, inox các loại.                          | 2599 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                | 7730 |
| 35. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                             | 3700 |
| 36. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                        | 3822 |
| 37. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                  | 3821 |
| 38. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                         | 4101 |
| 39. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                   | 4102 |
| 40. | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)                                                                                                                                                           | 4212 |
| 41. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                       | 4222 |
| 42. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Hoạt động khai thác cát, khai thác sỏi để phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu Chi tiết: Hoạt động khai thác đất sét, cao lanh Chi tiết: Hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu chịu lửa, làm đồ gốm. | 0810 |

|     |                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh, khai thác và quản lý chợ | 8299 |
| 44. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                     | 5021 |
| 45. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                          | 4932 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 住所 ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐẶNG THỊ KIỀU TRINH Giới tính: Nữ  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 16/08/1989 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
 Số giấy chứng thực cá nhân: 352761307  
 Ngày cấp: 20/02/2020 Nơi cấp: Công An Tỉnh An Giang  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Mỹ Hòa, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang, Việt Nam  
 住所 ở hiện tại: Ấp Mỹ Hòa, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang